

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2018
của các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ**

**BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16/8/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 3851/QĐ-BKHCN ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2018 (đợt 1);

Căn cứ Quyết định số 1996/QĐ-BKHCN ngày 17/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc đón đoàn vào và tổ chức hội thảo quốc tế;

Trên cơ sở đề xuất của Văn phòng các Chương trình khoa học và công nghệ quốc gia tại Công văn số 469/VPCTQG-KHTH ngày 06/9/2018 về việc báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch năm 2018;

Trên cơ sở đề xuất của Văn phòng Chương trình Nông thôn miền núi tại Công văn số 187/VPNTMN ngày 05/9/2018 về việc báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch năm 2018;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch-Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2018 cho các đơn vị trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán chi ngân sách nhà nước được điều chỉnh, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao và dự toán ngân sách theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Giám đốc Văn phòng các Chương trình khoa học và công nghệ quốc gia, Chánh Văn phòng Chương trình Nông thôn miền núi chịu trách nhiệm về số liệu được điều chỉnh tại các phụ lục đính kèm quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Chánh Văn phòng Bộ và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Các đơn vị sử dụng ngân sách;
- KBNN nơi giao dịch;
- Lưu VT, KHTC. *W*





**ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CHUNG NĂM 2018 CỦA
VĂN PHÒNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA**

(Kèm theo Quyết định số 517/QĐ-BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán giao đầu năm 2018	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Dự toán sau khi điều chỉnh
Phần I. Hoạt động chung của Ban chỉ đạo		79,0	-25,0	54,0
1	Thù lao Ban chỉ đạo	49,2		49,2
2	Các phiên họp Ban chỉ đạo	29,8	-25,0	4,8
Phần II. Hoạt động chung của Ban Chủ nhiệm		3.608,0	-610,0	2.998,0
1	Tiền công Ban Chủ nhiệm	2.058,0	-335,5	1.722,5
2	Tiền điện nước, thuê phòng, VPP...	300,0	-180,0	120,0
3	Công tác phí của BCN; Chi công tác của các thành viên BCN ở phía Nam ra Hà Nội	550,0	-94,5	455,5
4	Chi hội nghị, hội thảo	700,0		700,0
5	Hợp tác quốc tế			
Phần III. Hoạt động quản lý các nhiệm vụ KH&CN theo Nghị định thư		1.492,0		1.492,0
1	Xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, xét chọn, thẩm định nhiệm vụ bắt đầu thực hiện từ năm 2018, 2019	1.200,0		1.200,0
2	Chi công tác phí (Đi kiểm tra các nhiệm vụ đang triển khai)	237,0		237,0
3	Chi thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu của các gói thầu thuộc các nhiệm vụ KH&CN	55,0		55,0
Phần IV. Hoạt động quản lý các nhiệm vụ thuộc Đề án 844		2.854,0	200,0	3.054,0
1	Hợp Ban Điều hành, Thường trực BDH	44,0		44,0
2	Chi cán bộ giúp việc, thư ký Ban Điều hành	540,0		540,0
3	Chi xây dựng nhiệm vụ	750,0	-132,0	618,0
4	Chi Hội nghị, hội thảo, thông tin tuyên truyền	320,0	200,0	520,0
5	Công tác phí của Ban điều hành và các đơn vị có liên quan phục vụ công tác quản lý đề án 844	350,0		350,0
6	Đoàn ra	600,0		600,0
7	Tổ chức tập huấn, đào tạo cho các cán bộ quản lý ở Bộ ngành, địa phương liên quan về việc triển khai thực hiện Đề án	250,0		250,0
8	Nghiệm thu các nhiệm vụ kết thúc năm 2018		132,0	132,0
Phần V. Hoạt động của Văn phòng các Chương trình KH&CN quốc gia		10.578,0	435,0	11.013,0
A	Chi thường xuyên	10.128,0	435,0	10.563,0
1	Tiền lương, tiền công, các khoản đóng góp theo lương (BHXH, BHYT, công đoàn); Điện, nước, xăng xe; Văn phòng phẩm, vật tư rẻ tiền mau hỏng; Sửa chữa, mua sắm nhỏ; Thông tin liên lạc (điện thoại, fax...)	4.945,0		4.945,0
2	Chi công tác phí (Đi kiểm tra các đề tài, dự án thuộc các chương trình; Tham gia các Hội nghị, Hội thảo; các đoàn công tác khác của Bộ KH&CN và các bộ ngành có liên quan...)	1.044,0		1.044,0
3	Xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, xét chọn, thẩm định nhiệm vụ bắt đầu thực hiện từ năm 2018-2019	1.900,0		1.900,0
4	Chi thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu của các gói thầu thuộc các nhiệm vụ KH&CN	189,0		189,0
5	Nghiệm thu các nhiệm vụ kết thúc năm 2018	550,0		550,0
6	Thuê kiểm toán độc lập để kiểm toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN	200,0	-200,0	-
7	Thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo, tập huấn, đào tạo, họp chuyên môn	1.300,0	635,0	1.935,0
B	Chi không thường xuyên	450,0		450,0
	Hợp tác quốc tế	450,0		450,0
Tổng cộng		18.611,0		18.611,0



**BIỂU CHỈNH DỰ TOÁN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CHUNG NĂM 2018 CỦA
VĂN PHÒNG CHƯƠNG TRÌNH NÔNG THÔN MIỀN NÚI**

*(Kèm theo Quyết định số 35A7/QĐ-BKH-CN ngày 15 tháng 11 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán giao đầu năm 2018	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Dự toán sau khi điều chỉnh
	A. HOẠT ĐỘNG THƯỜNG XUYÊN	6,771.25	-	6,771.25
I	LƯƠNG CÁN BỘ (Theo ngạch bậc)	1,098.00	-	1,098.00
II	CÔNG TÁC XÉT DUYỆT, KIỂM TRA VÀ NGHIỆM THU CÁC DỰ ÁN	5,043.25	-	5,043.25
1	Các đoàn công tác và đoàn kiểm tra các dự án	1,651.25	427.40	2,078.65
	Tổ chức các đoàn công tác và đoàn kiểm tra tiến độ, kiểm tra công tác kế toán các dự án thực hiện năm 2017 và thực hiện năm 2018 (công tác phí, lưu trú, vé máy bay, thuê xe...)	1,651.25	427.40	2,078.65
2	Công tác xét duyệt dự án	3,392.00	(427.40)	2,964.60
	Thẩm định nội dung và kinh phí các dự án năm 2019: 200 DA x 4.8 tr (130 dự án Trung ương, 70 dự án UQĐP)	960.00	-	960.00
	Tổ chức hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ các dự án TW và ĐP quản lý năm 2019 : 30 hội đồng x 8,7trđ.	261.00	-	261.00
	Tổ chức hội đồng tư vấn thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho các dự án năm 2017, 2018: 130 dự án x 2.7 trđ	351.00	-	351.00
	Tổ chức hội đồng xét giao trực tiếp các dự án TW quản lý năm 2019: 130 dự án x 14 trđ	1,820.00	(427.40)	1,392.60
III	CHI HÀNH CHÍNH: Văn phòng phẩm, điện thoại, công văn, sửa chữa thiết bị, chi khác	630.00	-	630.00
	B. HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN	3,228.75	-	3,228.75
VI	HỘI THẢO CHUYÊN ĐỀ CỦA CHƯƠNG TRÌNH	3,138.75	-	3,138.75
	Hội thảo công tác tài chính - kế toán cho các dự án năm	314.00	-	314.00
	Hội thảo hướng dẫn kế hoạch cho các dự án năm 2019	220.00	-	220.00
	Nhiệm vụ truyền thông khoa học và công nghệ phục vụ chương trình Nông thôn miền núi	850.00	-	850.00
	Nhiệm vụ đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý và tổ chức triển khai dự án giai đoạn 2017-2020	1,754.75	-	1,754.75
VII	CÔNG TÁC THÔNG TIN TUYÊN TRUYỀN	90.00	-	90.00
	Xây dựng bản tin nội bộ (3 số x 30.000.000đ)	90.00	-	90.00
	TỔNG CỘNG (A+B)	10,000.00	-	10,000.00